

TỔNG CỤC HẬU CẦN
CỤC QUÂN Y

Số: 1192 /QY-TB

V/v mời chào giá trang thiết bị y tế
mua sắm tập trung theo hình thức
ký thỏa thuận khung năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Cục Quân y đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm tập trung tài sản ngành quân y theo phương thức tập trung bằng cách thức ký thỏa thuận khung với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

- Tên đơn vị: Cục Quân y – Tổng cục Hậu cần – Bộ Quốc phòng
- Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá
 - Họ và tên: Phạm Công Chi
 - Chức vụ: Trợ lý Phòng Trang bị Quân y.
 - Số điện thoại: 069.551930.
 - Email: Phongtrangbiquany@gmail.com.

3. Cách tiếp nhận báo giá

Cục Quân y đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi trực tiếp hồ sơ báo giá tới địa chỉ: Số 276 Nghi Tâm, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 12/7/2023 đến trước 22/7/2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22/7/2023.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của các loại trang thiết bị như phụ lục đính kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Tại các đơn vị quân y trên toàn quốc.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng giữa đơn vị mua sắm tài sản và nhà thầu trúng thầu.

4. Dự kiến điều khoản thanh toán, tạm ứng:

- Tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng mua sắm tài sản và đơn vị mua sắm tài sản (bên A) nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng,

Đơn vị mua sắm tài sản sẽ tạm ứng cho nhà thầu (bên B) 30% giá trị hợp đồng. Bên B bảo đảm tiền tạm ứng bằng bảo lãnh ngân hàng với giá trị là 30% giá trị hợp đồng, có thời hạn bằng thời gian thực hiện hợp đồng. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi tương ứng với giá trị thanh toán khối lượng công việc hoàn thành được đối trừ sang tương ứng.

- Thanh toán: Bên A thanh toán một lần bằng 100% giá trị hợp đồng cho Bên B ngay khi Bên B giao đủ hàng hóa và Bên A đã nhận được các tài liệu sau: Biên bản bàn giao hàng hóa; hóa đơn tài chính hợp pháp do Bên B phát hành và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành cũng như Bên A nhận được bảo lãnh bảo hành từ Bên B. Giá trị thanh toán sẽ được đối trừ tương ứng với giá trị tạm ứng trước đó.

Ghi chú: Điều khoản thanh toán, tạm ứng có thể thay đổi khi xây dựng HSMT hoặc khi thương thảo hợp đồng.

5. Các điều khoản khác:

- Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng thành thạo trang thiết bị cho đơn vị trực tiếp sử dụng trang thiết bị.

- Bảo hành trang thiết bị tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu trang thiết bị.

- Báo giá riêng cho từng loại trang thiết bị; đúng biểu mẫu và đầy đủ thông tin theo quy định tại Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế; gửi đầy đủ tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và tài liệu liên quan; giá tra cứu của hàng hóa, trang thiết bị y tế do đơn vị sản xuất, kinh doanh thực hiện công khai niêm yết giá còn hiệu lực trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền. Các đơn vị, nhà cung cấp trích dẫn đường link tra cứu trên website và in trên khổ giấy A4 có đầy đủ các thông tin kê khai và ký, đóng dấu vào bản in gửi cùng các tài liệu liên quan.

Ghi chú: Các đơn vị, nhà cung cấp gửi báo giá, các tài liệu liên quan có đóng dấu xác nhận của đơn vị, nhà cung cấp gửi kèm theo USB lưu trữ các tài liệu chào giá, cấu hình, thông số kỹ thuật của trang thiết bị y tế

Cục Quân y trân trọng cảm ơn và rất mong nhận được hồ sơ báo giá của các đơn vị, nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo đấu thầu;
- Lưu: VT, TB5, BtD



Thiếu tướng Nguyễn Trường Giang

Phụ lục
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ
 (Kèm theo Công văn số 2199/QY-TB ngày 11/7/2023 của Cục Quân y)

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1.	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	<p><i>a. Yêu cầu chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: Sử dụng được nguồn điện 220 V/50Hz <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính: 01 cái; dây nguồn: 01 cái; hóa chất chạy thử máy: 01 bộ; ly tâm điện 6 lỗ: 01 cái; pipet 10 – 100 µl: 01 cái; pipet 100 – 1.000 µl: 01 cái.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Máy xét nghiệm sinh hoá bán tự động dựa trên nguyên lý phân tích quang phổ để xác định định tính các chất hóa học trong máu phục vụ chẩn đoán, điều trị cho người bệnh. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Máy chính: <ul style="list-style-type: none"> • Các phương pháp xét nghiệm: Có các phương pháp điểm cuối, động lực học, hấp thụ, thời gian cố định, chuẩn nhiều điểm, vi phân • Số lượng kính lọc ≥ 07 kính lọc • Độ dài bước sóng: từ $\leq 320\text{nm}$ đến $\geq 690\text{nm}$ • Dải đo: Từ ≤ -0.200 đến $\geq 2.500\text{OD}$ • Độ chính xác quang: $\leq \pm 1\%$ từ 0 - 2.000OD • Độ tuyến tính quang: $\leq \pm 1\%$ từ 0 - 2.000OD • Độ lặp lại, CV < 1% trong khoảng từ 0-2.000OD • Thể tích mẫu: Từ ≤ 350 đến $\geq 500\mu\text{l}$ + Pipet: Độ sai số $\leq 0,8\%$ + Máy ly tâm: <ul style="list-style-type: none"> • Tốc độ ≥ 4.000 vòng/phút, • Nguồn điện sử dụng 220V/50Hz. 	09	cái
2.	Máy xét nghiệm nước tiểu	<p><i>a. Yêu cầu chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023; - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương; - Nguồn điện: Sử dụng được nguồn điện 220 V/50Hz, có thể dùng pin loại 1,5V khi mất điện lưới. <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính: 01 cái; máy in nhiệt: 01 cái; khay đựng mẫu: 01 cái; vật tư kèm theo: Que thử: 01 hộp, Giấy in: 02 cuộn.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p>	20	cái



TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Kiểm tra, phân tích sự xuất hiện, nồng độ các chất trong nước tiểu phục vụ chẩn đoán, điều trị cho người bệnh - Thông số kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> + Chỉ tiêu xét nghiệm tối thiểu: Glucose, pH, Protein, Máu, Ketones, Nitrite, Bilirubin, Urobilinogen, Specific gravity, Leukocytes, Ngoài ra thiết bị đo được tỷ lệ Albumin/Creatinine, Protein/Creatinine, HCG (khi sử dụng loại que thử phù hợp); + Tốc độ đọc: ≥ 60test/h + Khả năng lưu trữ: ≥ 950 kết quả + Kết nối: Có cổng kết nối với máy tính ngoại vi 		
3.	Máy sốc tim AED	<p><i>a. Yêu cầu chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100% sản xuất năm 2023; - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương; - Tiêu chuẩn an toàn: IEC 60601-1 hoặc tương đương. <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính đồng bộ: 01 cái; Điện cực sốc cho người lớn/trẻ em: 01 bộ; Ấc quy: 01 cái; Túi đựng máy: 01 cái.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Dùng năng lượng điện để khôi phục nhịp tim trong cấp cứu, điều trị các bệnh về tim mạch - <i>Thông số kỹ thuật:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Dải năng lượng đầu ra tối đa ≥ 200J với ≥ 5 mức năng lượng; + Thời gian nạp đến mức năng lượng tối đa (200J) ≤ 8s (khi sử dụng ắc quy mới); + Dải trở kháng: $\leq 15\Omega$ đến $\geq 175\Omega$ + Ấc quy: Thời gian sử dụng: số lần nạp ≥ 160 lần 	05	cái
4.	Máy vật lý trị liệu đa năng- Cấu hình 1	<p><i>a. Yêu cầu chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: Sử dụng được nguồn điện 220 V/50Hz. <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính kèm màn hình: 01 cái; Dây nguồn: 01 cái; Dây cáp kích thích điện đen/trắng: 02 cái; Điện cực cao su chì: 04 cái; Miếng làm ẩm điện cực: 04 cái; Điện cực thép: 04 cái; Miếng làm ẩm điện cực thép: 04 cái; Dây buộc co giãn: 04 cái; Đầu phát siêu âm đa tần ≥ 5cm²: 01 cái; gel siêu âm: 01 lọ; Giá đỡ đầu phát: 01 cái</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p>	06	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<p>- Phạm vi sử dụng: Thiết bị điều trị điện kết hợp siêu âm điều trị</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số kênh: Tối thiểu: 01 kênh điều trị điện, 01 kênh điều trị siêu âm <ul style="list-style-type: none"> • Thông số điều trị điện <ul style="list-style-type: none"> ➢ Chế độ hoạt động: Có các chế độ: Dòng điện không đổi; điện áp không đổi ➢ Thời gian điều trị: Từ $\leq 30s$ đến ≥ 75 phút ➢ Dòng giao thoa: Từ 0 đến $\geq 50mA$ ➢ Dòng xung kích thích/xung tần số trung bình: Từ 0 đến $\geq 80mA$ ➢ Dòng TENS: Từ 0 đến $\geq 80mA$ ➢ Dòng Galvanic: Từ 0 đến $\geq 30 mA$ • Thông số kỹ thuật siêu âm <ul style="list-style-type: none"> ➢ Chế độ làm việc: Liên tục và xung ➢ Công suất phát: $\geq 12W$ + Chương trình cài đặt sẵn: Tối thiểu: 90 chương trình siêu âm; 80 chương trình điện xung. + Màn hình hiển thị: ≥ 4 inch 		
5.	Máy vật lý trị liệu đa năng- Cấu hình 2	<p>a. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: Sử dụng được nguồn điện 220 V/50Hz <p>b. Cấu hình cơ bản: Máy chính: 01 cái; Dây nguồn: 01 cái; Dây cáp đa năng: 02 cái; Đai hiệu ứng nhiệt hồng ngoại + Đai định vị điện cực điều trị vùng cổ + Vùng lưng: 01 bộ; Điện cực từ trường: 01 cái; Điện cực ion âm: 01 cái; Điện cực xung đèo: 02 cái; Cực điện xung chân: 01 cái; Đầu siêu âm điều trị: 01 cái; Đầu laser: 01 cái; Điện cực xung mắt: 01 cái.</p> <p>c. Đặc tính kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Máy dùng dòng điện xung - từ trường, ion âm, năng lượng laser, sóng siêu âm để điều trị, giúp giảm đau, giảm phù nề, chống viêm, kích thích cơ, phục hồi chức năng - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ hoạt động: Tối thiểu có các chế độ trị liệu gồm: Cân bằng Ion, laser trị liệu, điện xung, siêu âm trị liệu, nhiệt hồng ngoại; + Chức năng trị liệu cân bằng Ion: Điện áp ra từ ≤ -300 đến $\geq -85VDC$ 	43	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Chức năng laser trị liệu: <ul style="list-style-type: none"> • Có bước sóng 650nm, độ chính xác $\leq \pm 1$nm ; • Công suất Laser từ 0 đến $\geq 3,2$ mW, độ chính xác $\leq \pm 0,2$mW, có nhiều mức điều chỉnh + Chức năng điện xung: <ul style="list-style-type: none"> • Số kênh điều trị ≥ 2 kênh; • Dạng xung điều trị là xung vuông đảo cực + Chức năng siêu âm trị liệu <ul style="list-style-type: none"> • Tần số siêu âm khoảng 725KHz • Công suất từ 0 đến $\geq 1,5$W/cm² + Chức năng trị liệu hiệu ứng nhiệt: Công suất từ 0 đến ≥ 15W, có nhiều mức điều chỉnh + Thời gian điều trị: từ 0 đến ≥ 60phút, bước điều chỉnh ≤ 5phút 		
6.	Máy vật lý trị liệu đa năng- Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện: Sử dụng được nguồn điện 220 V/50Hz <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính đồng bộ: 01 cái; Dây nguồn: 01 cái; Dây cáp đa năng: 02 cái; Cáp điện phân + Cực điện phân mắt: 01 bộ; Điện cực cao su nhiệt, điện phân: 01 đôi; Điện cực cao su nhiệt, điện xung: 02 bộ; Đầu siêu âm điều trị: 01 cái; Đai cao su cố định điện cực: 04 cái; Cầu chì dự phòng: 02 cái; Va-li đựng máy: 01 cái.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Máy dùng dòng điện xung, sóng siêu âm, nhiệt hồng ngoại, điện phân để điều trị giảm đau, điều trị phục hồi chức năng cho người bệnh bị di chứng bại liệt, teo cơ, viêm cơ xương khớp và hội chứng cổ vai gáy,... - <i>Thông số kỹ thuật:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ hoạt động: Tối thiểu có các chế độ điện xung, siêu âm trị liệu, nhiệt hồng ngoại, điện phân + Chức năng điện xung: Số kênh điều trị: ≥ 2 kênh + Dạng xung điều trị: xung vuông đảo cực + Chế độ điều trị thấp thấp tần: Độ rộng xung khoảng từ ≤ 70 đến ≥ 100 μs, tần số khoảng từ ≤ 1 đến ≥ 100 Hz; biên độ từ 0 đến ≥ 120V; + Chế độ điều trị thấp trung tần: Độ rộng xung khoảng từ ≤ 50 đến ≥ 70 μs, tần số khoảng 2.300 Hz; biên độ từ 0 đến ≥ 120V; 	30	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cầu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Chức năng điện phân: Chế độ hoạt động: Phát xung và phát liên tục; Dạng điện phân: Dòng Galvanic một chiều; Biên độ từ 0 đến $\geq 50V$ + Chức năng siêu âm trị liệu: Biên độ dao động điện: Từ ≤ 60 đến $\geq 100V$; Công suất phát tối đa $\geq 1,5W/cm^2$ + Chức năng trị liệu hiệu ứng nhiệt: Công suất từ 0 đến $\geq 15W$ 		
7.	Máy phun phòng dịch có động cơ-Cấu hình 1	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính đồng bộ: 01 cái; Vòi phun: 01 bộ; Đầu phun ULV: 01 bộ; Đầu phun mù: 01 cái.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Máy phun sương/ULV bằng động cơ sử dụng để phun hóa chất phòng, chống dịch bệnh; cấu trúc gọn nhẹ, kiểu đeo vai, dễ cơ động, dễ vận hành. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu động cơ 2 kỳ, giật nổ + Dung tích xi lanh $\geq 78cc$ + Nhiên liệu sử dụng: Hỗn hợp (xăng pha nhớt); + Chế độ phun: Phun mù/Phun sương + Kích thước hạt nhỏ nhất (phun mù): $\leq 75\mu m$ + Công suất phun lớn nhất: ≥ 4 l/phút + Khoảng cách phun: Phun ngang: $\geq 16m$, Phun thẳng đứng: $\geq 11m$; 	34	cái
8.	Máy phun phòng dịch có động cơ-Cấu hình 2	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính đồng bộ: 01 cái; Vòi phun: 01 cái; Đầu phun (gồm 03 cái với cỡ khác nhau): 01 bộ; Phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Máy phun bằng động cơ dạng mù nhiệt với nguyên lý đốt nóng, tạo áp suất lớn để đem lại hiệu quả cao trong phun khử trùng, phòng chống dịch; Máy gọn nhẹ đeo vai, dễ cơ động, dễ thao tác vận hành - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Công suất: $\geq 18,5kW$ (25,5 Hp); + Đánh lửa (khởi động): Bằng cuộn cảm điện từ, sử dụng 4 Pin 1,5V 	04	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> + Bình nhiên liệu: Bằng thép không gỉ, dung tích $\geq 1,4$ lít, áp suất cấp từ 0,12-0,13 bar; + Nhiên liệu sử dụng: Xăng thông dụng theo tiêu chuẩn; + Nhiên liệu tiêu thụ: $\leq 2,0$lít/h + Bình hóa chất: Bằng thép không gỉ, dung tích $\geq 6,5$lít, áp suất cấp từ 0,3-0,35bar + Phương thức phun: Mù nóng (Thermal Fog); + Tốc độ phun: Từ ≤ 10 đến ≥ 42lít/h (tùy thuộc loại đầu phun); 		
9.	Máy phun phòng dịch có động cơ-Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> Máy chính đồng bộ: 01 cái; Vòi phun: 01 cái; Đầu phun (gồm 05 cái với cỡ khác nhau): 01 bộ; Phụ kiện tiêu chuẩn theo máy (gồm: Tô vít, Cờ lê, lục lăng, bộ dụng cụ tháo lắp bigi,...): 01bộ</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Máy phun bằng động cơ cỡ hạt ULV (cực nhỏ) để sát khuẩn không khí dùng trong phòng, chống dịch; Máy gọn nhẹ đeo vai, dễ cơ động, dễ thao tác vận hành. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểu động cơ 2 kỳ, giật nổ, làm mát bằng không khí; + Dung tích xi lanh ≥ 35cm³; + Nhiên liệu sử dụng: Xăng tiêu chuẩn có chì (hoặc không chì) trộn với dầu sử dụng cho động cơ 2 kỳ; + Công suất động cơ $\geq 1,5$kW; + Bộ phận đánh lửa: Điện tử; + Bộ tạo khí: Loại bơm quay không, lưu lượng khí tại vòi phun ≥ 35m³/giờ, áp lực không khí $\geq 0,4$bar, tốc độ không khí qua đầu vòi ≥ 200m/giây; + Kích thước hạt khi phun $\leq 30\mu$m 	04	cái
10.	Bộ dụng cụ đại phẫu thuật-Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình, đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Dùng trong đại phẫu thuật - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> 01xHộp đựng dụng cụ bằng nhôm hoặc thép không gỉ; 01xKhay đựng dụng cụ có tay cầm; 02xNhãn nhận biết dụng cụ; 04xKẹp giữ và đánh dấu vải bọc tiệt trùng; 01xVải bọc tiệt trùng dụng cụ, kích thước 14x10cm; 01xKhay quả đậu; 	02	bộ

TT	Danh mục	Yêu cầu cầu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<p>12xKẹp khăn Beckhaus 11cm ± 2cm; 06xKẹp bông băng Foerster, có răng cưa dài 24cm ± 3cm; 02xKẹp mô, răng 1x2, dài 20cm ± 3 cm; 02xKẹp phẫu tích, răng cưa, dài 17cm ±2cm; 01xKẹp phẫu tích, răng cưa, dài 21cm ± 3cm; 01xKẹp phẫu tích, 1x2 răng, dài 21cm ± 3cm; 01xCán dao mổ số 4; 01xCán dao mổ số 3; 01xKéo phẫu tích Mayo, cong, dài 17cm ± 2cm; 01xKéo phẫu thuật Mayo, thẳng, dài 14cm ± 2cm; 01xKéo phẫu tích Metzenbaum, cong, dài 17cm ± 2cm; 01xKéo phẫu thuật Mayo, cong, dài 21cm ±2cm; 01xKéo cắt chỉ, thẳng, dài 14,5cm ±2cm; 08xKẹp mạch máu Crile, cong, lưỡi răng cưa, dài 14cm ± 3cm; 10xKẹp mạch máu Rochester – Pean, cong, răng cưa, dài 18cm ±3cm; 06xKẹp mạch máu Spencer – Wells, thẳng, răng cưa, dài 20cm ±4cm; 12xKẹp mạch máu Halsted-Mosquito, thẳng, răng cưa, dài 12,5cm ± 2cm; 12xKẹp mạch máu Halsted-Mosquito, cong, răng cưa, dài 12,5cm ± 2cm; 06xKẹp Allis, 5x6 răng, dài 15cm ± 2cm; 02xKẹp giữ ruột Duval – Collin, dài 20cm ± 2cm; 01xKẹp giữ mô Allis – Thoms, 6x7 răng, dài 20cm ±2cm; 01xKẹp nối ruột Bainbridge, thẳng, dài 17cm ±3cm; 01xKẹp môn vị Pays, 21cm ± 2cm; 01xKẹp mang kim, 16cm ± 2cm; 02xKẹp mang kim Hegar- Mayo, 18cm ± 2cm; 01xKẹp mang kim Hegar-Mayo, 20cm ± 2cm; 01xKẹp ruột Denis Browne, 19cm ± 3cm; 02xKẹp tổ chức Babcock, 16cm ± 2cm; 01xKẹp xoang Lister, 18cm ± 2cm; 02xKẹp túi mật Lahey, răng cưa, cong, 20cm ± 3cm; 01xRóc màng xương, hai đầu sử dụng, 19cm ± 2cm; 01xQue thăm, 19cm ± 5cm; 01xDụng cụ vén tạng, ruột, dẻo, rộng 5cm ± 1cm, dài 33cm ± 2cm; 02xBanh Richardson, lưỡi 47x21, 24cm ± 2cm; 02xBanh Kocher, lưỡi 40x10mm ±2cm, tay cầm có cửa sổ, 22cm ± 2cm; 01xBanh Farabeuf retractor, 13cm ± 1cm; 02xBanh Volkmann, đầu tù 6 răng, 23cm ± 2cm; 01xBanh bụng Balfour, mở tự động, 3 lưỡi; 01xKẹp thận Pean, cong, dài 20cm ± 2cm; 01xKẹp sỏi thận Randall số 2, 22cm ± 3cm; 01xĐầu hút Yankauer, có lỗ trung tâm đường kính 2mm, dài 29,5cm ± 2cm; 01xKim xoắn dây thép; 01xKim cắt dây thép 20cm ± 5cm; 01xGu gặm xương Luer, cong, 17cm ± 3cm; 01xThìa nạo xương Volkmann, hai đầu sắc, 13cm ± 1 cm; 01xĐục xương, 1,5cm x 24cm ± 2cm; 01xBúa đục xương Bergmann, dài 24cm ± 2cm, nặng khoảng 300g, đường kính 3cm ± 0,5cm; 01xKim cắt xương Liston, thẳng, dài 14cm ± 1cm; 01xDụng cụ lấy sỏi mật; 01xCưa xương, loại tay; 01xKhoan xương, loại tay; 01xĐục xương Lexer, lưỡi dẹt, cong, 16mm x 26,5 cm ± 5cm; 03xVòng giữ dụng cụ, 14cm ± 1cm; 03xỔng hút mềm bằng silocon, đường kính lòng 7 mm ± 0,5mm, dài 1 m ± 0,1m.</p>		

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
11.	Bộ dụng cụ trung phẫu thuật-Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất năm 2023 - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình, đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Dùng trong trung phẫu thuật chấn thương. - <i>Thông số kỹ thuật:</i> <p>03xCán dao phẫu thuật số 4; 02xLưỡi dao mổ số 21; 02xDao cắt đoạn 30cm ± 2cm; 04xKéo phẫu thuật 14cm ± 2cm, thẳng, mũi thẳng-nhọn; 01xKéo phẫu thuật 14cm ± 2cm, cong, mũi cong-nhọn; 02xKéo phẫu thuật 14cm ± 2cm, cong, mũi cong-tù; 01xKéo phẫu thuật 16cm ± 2cm, thẳng, mũi thẳng-nhọn; 01xKéo phẫu thuật 18cm ± 2cm, cong, mũi cong-tù; 05xKẹp cầm máu cong 14cm ± 2cm; 10xKẹp cầm máu thẳng không máu có răng cưa 16cm ± 2cm; 10xKẹp cầm máu cong không máu có răng cưa 14cm ± 2cm; 02xKẹp cầm máu cong không máu có răng cưa 22cm ± 2cm; 02xKẹp cầm máu thẳng có máu 22cm ± 2cm; 02xKẹp mang kim 18cm ± 2cm, kim to; 02xKẹp mang kim 18cm ± 2cm, kim mảnh; 02xKẹp giữ gạc, 24cm ± 2cm, cong có mang, má kẹp 12mm; 02xKẹp giữ gạc, 24cm, ± 2cm thẳng có mang, má kẹp 12mm; 02xKẹp sàng mổ, 9cm ± 1cm; 02xKẹp sàng mổ, 15cm ± 2cm; 04xKẹp phẫu tích, 16cm ± 2cm; 04xKẹp phẫu tích, 13cm ± 1cm, 1x2 răng máu; 01xKẹp phẫu tích, 25cm ± 2cm, 1x2 răng máu; 02xKẹp giữ băng, 12cm ± 2cm không máu; 02xKẹp giữ băng, 25cm ± 2cm không máu; 02xBanh 4 ngónh, nhọn; 02xBanh 4 ngónh, tù; 01xBanh tĩnh mạch; 01xBanh 2 đầu, 2x1, không lỗ; 01xKim dò có mang; 01xĐè lưỡi 17cm ± 2cm; 01xKim sinh thiết dẫn lưu khoang ngực φ4, cỡ nhỏ; 01xKim sinh thiết dẫn lưu khoang ngực φ5, cỡ trung; 01xKim sinh thiết dẫn lưu khoang ngực φ6, cỡ lớn; 01xThìa nạo mang xương sườn, hai đầu; 01xBanh mở bụng, 10cm ± 1cm; 01xBanh ruột thừa; 01xỐng hút ổ bụng dạng thẳng; 01xỐng hút ổ bụng dạng cong; 01xĐè ổ bụng; 02xKính soi hậu môn, hình ống tròn, cỡ trung; 02xKẹp ruột thẳng 25cm ± 2cm; 02xKẹp ruột cong 25cm ± 2cm; 01xCửa xương 35cm ± 2cm; 01xDũa xương, 18cm ± 2cm; 01xThìa nạo xương hai đầu lưỡi 6/7 dài 20cm ± 2cm; 01xThìa nạo xương hai đầu lưỡi 10/11 dài 21cm ± 2cm; 01xKéo lớn cắt xương, 19cm ± 2cm, thẳng; 01xKim kẹp xương hai đốt, 23cm ± 2cm; 01xKẹp giữ xương, 26cm ± 2cm, nhiều răng; 01xQue thăm dò, hai đầu 13cm ± 2cm; 01xQue thăm dò, hai đầu 20cm ± 2cm; 04xKim chọc hút.</p>	09	bộ

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
12.	Giường bệnh nhân-Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01 giường bệnh nhân (gồm: 01xKhung giường; 02xHồi giường; 01x(bộ) Hệ thống 2 tay quay; 02xThanh chắn giường; 04xBánh xe; 01xĐệm; 01xKẹp hồ sơ bệnh án; 01xCọc truyền dịch; 03xCọc màn); 01xTủ đầu giường.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Dùng để bệnh nhân nằm điều trị trong các bệnh viện hoặc các cơ sở y tế; Phù hợp với các yêu cầu vệ sinh, tẩy rửa, tiệt trùng, thuận lợi cho việc chăm sóc bệnh nhân - Thông số kỹ thuật <ul style="list-style-type: none"> + Giường <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước giường: Dài 2.150mm ± 10mm; Rộng 920mm ± 10mm; Chiều cao giường so với mặt sàn 550mm ± 10mm (chưa tính chiều cao đệm); • Cơ cấu điều chỉnh nâng, hạ: Bằng tay quay; góc nâng hạ phần đầu từ 00 đến ≥ 800, phần chân (phần gối) từ 00 đến ≥ 350. + Tủ đầu giường: <ul style="list-style-type: none"> • Cấu tại 02 ngăn, vật liệu gỗ ép nhiều lớp, bề mặt được phủ bóng, chống thấm, chống ẩm; • Kích thước tổng thể (DàixRộngxCao): 480x480x760mm ± 10mm. 	28	cái
13.	Giường bệnh nhân-Cấu hình 4	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xGiường bệnh nhân inox; 01xTủ đầu giường inox.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Giường bệnh nhân bằng inox dùng trong các cơ sở y tế (nơi có điều kiện môi trường khắc nghiệt, độ ăn mòn cao); Phù hợp với các yêu cầu vệ sinh, tẩy rửa, tiệt trùng, thuận lợi cho việc chăm sóc bệnh nhân; - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu và yêu cầu kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> • Cụm khung giường tối thiểu inox SUS304; Khung giường bằng inox hộp, kích thước 60x30x0,9mm ± 0,1mm; Giát giường bằng inox hộp, kích thước 40x10x0,5mm ± 0,05mm; Mỏ cài nệm bằng inox tấm dày 4mm ± 0,5mm; Thang giường bằng inox hình chữ U gấp mép, dày 1mm ± 0,1mm; Thanh răng bằng inox dày 3mm ± 0,5mm, có 04 vị trí nâng hạ. 	51	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> • Khung hồi giường tối thiểu inox SUS304; Khung hồi giường bằng inox ống, đường kính 31,8x1mm ± 0,1mm; Thanh ngang đỡ song bằng inox ống, đường kính 22x0,8mm ± 0,1mm; Song bằng inox ống đường kính 15,9x0,6mm ± 0,1mm; Cọc màn bằng inox ống đường kính 15,9x1mm ± 0,1mm; Ốp đỡ mở cài dập liền dày 2mm ± 0,1mm. + Thông số kỹ thuật: Kích thước giường: Dài: 2.020mm ± 10mm; Rộng: 940mm ± 05mm; Chiều cao từ mặt giát xuống sàn: 540mm ± 05mm; Tải trọng ≥ 200kg. + Tủ đầu giường: Vật liệu toàn bộ tối thiểu bằng inox SUS304, khung tủ làm bằng inox hộp 25x25mm, dày 0,5mm ± 0,1mm, lan can nóc tủ bằng inox ống Φ12.7 dày 0,8mm ± 0,1mm, Nóc-ngăn kéo-cánh tủ bằng inox tấm dày 0,5mm ± 0,1mm (<i>Cánh được viền tăng cứng bằng hộp 10x20mm chắc chắn</i>), các tấm bung kín bằng inox dày 0,5mm ± 0,1mm. 		
14.	Giường bệnh nhân-Cấu hình 5	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xGiường bệnh nhân inox; 01xTủ đầu giường inox.</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Giường bệnh nhân bằng inox dùng trong các cơ sở y tế; Phù hợp với các yêu cầu vệ sinh, tẩy rửa, tiệt trùng, thuận lợi cho việc chăm sóc bệnh nhân; - <i>Thông số kỹ thuật:</i> Như giường bệnh nhân-Cấu hình 4. Chỉ khác vật liệu chính là inox SUS201. 	65	cái
15.	Tủ thuốc inox-Cấu hình 1	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xTủ thuốc inox</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Dùng để đựng, bảo quản và cấp phát thuốc trong các cơ sở y tế (<i>nơi có điều kiện môi trường khắc nghiệt, độ ẩm cao</i>) - <i>Thông số kỹ thuật:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu kỹ thuật và kết cấu: Kết cấu gồm 2 khoang, có khóa riêng từng khoang; • Khoang trên: Một sàn nghiêng cố định gồm 24 ô, làm bằng inox hộp, đáy inox tấm; Ngăn độc gồm hai khoang, có khóa riêng từng khoang; Cánh cửa và 2 hồi bằng kính trắng 	210	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cầu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		<ul style="list-style-type: none"> • Khoang dưới: Có 1 sàn inox điều chỉnh được độ cao; Cánh cửa và 2 hồi bằng inox tấm; + Vật liệu và yêu cầu kỹ thuật: vật liệu chính tối thiểu là inox SUS304; Khung tủ, khung cánh tủ: Inox hộp 25x25x0,7mm ± 0,1 mm; Sàn khoang dưới và cánh tủ: Inox tấm dày 0,5 ± 0,1 mm; Sàn nghiêng khoang trên: Inox tấm dày 0,5mm ± 0,1mm và inox hộp 10x20x0,5mm ± 0,05mm; Nóc tủ, hồi tủ, mặt sau tủ: Inox tấm dày 0,5mm ± 0,1mm; Tấm cài đỡ sàn: Inox tấm dày 1,0-1,5mm ± 0,1mm; Kính trắng: dày 5mm ± 1mm; + Thông số kỹ thuật: Kích thước chiếm chỗ: Dài 850mm ± 5mm, sâu 450mm ± 5mm, cao 1.600mm ± 10mm; Chiều cao khoang trên (đáy đến nóc) ≥ 850mm; Chiều cao khoang dưới (đáy đến nóc) ≥ 645mm; Kích thước ngăn độc (Rộng x Cao x Sâu) ≥ 750x270x250mm. 		
16.	Tủ thuốc inox- Cấu hình 2	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xTủ thuốc inox</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Dùng để đựng, bảo quản và cấp phát thuốc trong các cơ sở y tế - Thông số kỹ thuật: Như tủ thuốc inox-Cấu hình 1. Chi khác vật liệu chính tối thiểu là inox SUS01. 	51	cái
17.	Tủ thuốc inox- Cấu hình 3	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xTủ thuốc inox</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi sử dụng: Dùng để đựng, bảo quản và cấp phát thuốc đông y trong cơ sở y tế - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu kỹ thuật và kết cấu: Toàn bộ khung bằng inox hộp, tủ được chia thành hai khoang + Vật liệu và yêu cầu kỹ thuật: vật liệu chính tối thiểu là inox SUS201; Khung tủ bằng Inox hộp 30x30x0,8mm ± 0,1 mm; Các tấm bọc bằng Inox tấm dày 0,6mm ± 0,1 mm; Cánh cửa khoang trên bằng kính trắng dày 4,5mm ± 1mm; 	16	cái

TT	Danh mục	Yêu cầu cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
		+ Thông số kỹ thuật: Kích thước chiếm chỗ: Rộng 1.200mm ± 10mm, sâu 450mm ± 5mm, cao 1.500mm ± 10mm; Chiều cao khoang trên (đáy đến nóc) ≥ 850mm; Chiều cao khoang dưới (đáy đến nóc) ≥ 550mm.		
18.	Bàn tiêm – Cấu hình 1	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xBàn tiêm inox</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Dùng trong các cơ sở y tế để đẩy thuốc, bông băng, dụng cụ thay băng và các dụng cụ đi tiêm cho bệnh nhân tại các phòng bệnh (<i>nơi có điều kiện môi trường khắc nghiệt, độ ăn mòn cao</i>); Dễ vệ sinh, dễ khử trùng, thuận tiện khi thao tác - <i>Thông số kỹ thuật:</i> <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật: Sản phẩm chắc chắn, cân đối, không xiên lệch, cong vênh; Các chi tiết được làm sạch hết ba vĩa, cạnh sắc; Toàn bộ phần inox được làm sạch bề mặt bằng điện hoá + Vật liệu: Vật liệu chính tối thiểu inox SUS304; Khung chính bằng inox ống đường kính 25,4x1,0mm ± 0,1mm; Khay mặt bàn bằng inox tấm dày 0,9mm ± 0,1mm; Thanh giằng, lan can bằng inox ống đường kính 12,7x0,8mm ± 0,05mm; Xô đựng đồ bằng nhựa, dung tích khoảng ≥10L; Đường kính bánh xe 100mm ± 10mm. + Thông số kỹ thuật: Kích thước toàn bộ: dài 840mm ± 5mm, rộng 540mm ± 3mm, cao 1050mm ± 10mm; Kích thước mặt bàn: dài 820mm ± 5mm, rộng 520mm ± 5mm; Sâu 20mm ± 3mm; Tải trọng: ≥ 30kg. 	132	cái
19.	Bàn tiêm – Cấu hình 2	<p><i>a. Yêu cầu chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất từ năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương <p><i>b. Cấu hình cơ bản:</i> 01xBàn tiêm inox</p> <p><i>c. Đặc tính kỹ thuật</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Phạm vi sử dụng:</i> Dùng trong các cơ sở y tế để đẩy thuốc, bông băng, dụng cụ thay băng và các dụng cụ đi tiêm cho bệnh nhân tại các phòng bệnh; Dễ vệ sinh, dễ khử trùng, thuận tiện khi thao tác <p><i>Thông số kỹ thuật:</i> Như Bàn tiêm-Cấu hình 1. Chỉ khác vật liệu chính tối thiểu là inox SUS01.</p>	21	cái